

Số: /BC-BVM

Gia Lai, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát người bệnh/người nhà tại bệnh viện năm 2025

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Gia Lai

Thực hiện Kế hoạch số 557/KH-BVM ngày 08/4/2025 của Bệnh viện Mắt về Kế hoạch tổ chức đo lường hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế điều trị ngoại trú Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 556/KH-BVM ngày 08/4/2025 của Bệnh viện Mắt về Kế hoạch tổ chức đo lường hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế điều trị Nội trú Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2025. Bệnh viện đã thực hiện khảo sát sự hài lòng người bệnh kết quả cụ thể như sau:

1. Phương pháp khảo sát:

1.1 Công cụ: Phiếu phỏng vấn, phiếu đánh giá theo mẫu quy định của Bộ y tế

1.2 Yêu cầu: Đảm bảo, thông tin chính xác, trung thực, khách quan;

1.3 Cách tiến hành: Phòng Điều dưỡng kết hợp với các khoa tiến hành khảo sát và nhập thông tin trực tiếp vào phần mềm khảo sát hài lòng của Bộ Y tế

2. Thời gian khảo sát: năm 2025

3. Cơ mẫu: Thực hiện theo Quyết định số 56/QĐ-BYT ngày 08/01/2024 của Bộ Y tế Quyết định ban hành hướng dẫn về phương pháp đo lường hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công giai đoạn 2024-2030

+ Mẫu khảo sát ý kiến người bệnh nội trú 277 phiếu

+ Mẫu khảo sát ý kiến người bệnh ngoại trú 401 phiếu

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHẢO SÁT NGƯỜI BỆNH NGOẠI TRÚ

1.1. Đánh giá chung của người bệnh về bệnh viện

TT	Nội dung	Kết quả khảo sát
1	Tổng điểm trung bình từ A-E	4,45
2	Tỷ lệ hài lòng chung	96,81

3	Điểm trung bình theo từng phần	Phần A: Khả năng tiếp cận	4,41
		Phần B: Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị	4,43
		Phần C: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh	4,44
		Phần D: Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của NVYT	4,55
		Phần E: Kết quả cung cấp dịch vụ	4,51
4	Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi		94,03
5	Tỷ lệ người bệnh quay trở lại		99,75
6	Chỉ số hài lòng toàn diện		82,54
7	Tổng số phiếu được phân tích		401

1.2. Giới tính khảo sát:

TT	Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nam	167	41,6%
2	Nữ	234	58,4%
Tổng cộng		401	100

1.3. Mức độ hài lòng cho từng mục:

Bảng 1. Khả năng tiếp cận:

TT	Nội dung tiểu mục	Tỷ lệ (%)			
		Rất Tốt	Tốt	Trung bình	Kém
A1.	Các biển báo, chỉ dẫn đường đến bệnh viện rõ ràng, dễ nhìn, dễ tìm.	53,2	44,6	2,2	0
A2.	Các sơ đồ, biển báo chỉ dẫn đường đến các khoa, phòng trong bệnh viện rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm.	45,6	54,1	3	0
A3.	Các khối nhà, cầu thang được đánh số rõ ràng, dễ tìm.	45,6	44,7	9,5	0,2
A4.	Các lối đi trong bệnh viện, hành lang bằng phẳng, dễ đi.	45,6	47,2	7	0,2
A5.	Có thể tìm hiểu các thông tin và đăng ký khám qua điện thoại, trang tin điện tử của bệnh viện (website) thuận tiện.	45,1	49,4	5,5	0

Bảng 1: Mức độ hài lòng về khả năng tiếp cận

- Tỷ lệ người bệnh rất hài lòng, hài lòng chung về khả năng tiếp cận của khoa khám bệnh cấp cứu chiếm tỷ lệ 94,5%.

Bảng 2. Mức độ hài lòng về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị:

STT	Nội dung tiêu mục	Tỷ lệ người bệnh(%)			
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém
1	Quy trình khám bệnh được niêm yết rõ ràng, công khai, dễ hiểu.	46,1	51,9	2	0
2	Các quy trình, thủ tục khám bệnh được cải cách đơn giản, thuận tiện.	48,6	46,4	5	0
3	Giá dịch vụ y tế niêm yết rõ ràng, công khai.	51,9	43,1	5	0
4	Nhân viên y tế tiếp đón, hướng dẫn người bệnh làm các thủ tục niêm nở, tận tình.	46,2	49,6	4,2	0
5	Được xếp hàng theo thứ tự trước sau khi làm các thủ tục đăng ký, nộp tiền, khám bệnh, xét nghiệm, chiếu chụp.	46,4	47,4	6,2	0
6	Đánh giá thời gian chờ đợi làm thủ tục đăng ký khám.	49,2	45,6	5,2	0
7	Đánh giá thời gian chờ tới lượt bác sỹ khám.	49,9	46,4	3,7	0
8	Đánh giá thời gian được bác sỹ khám và tư vấn.	50,6	46,9	2,5	0
9	Đánh giá thời gian chờ làm xét nghiệm, chiếu chụp.	38,9	58,1	3	0
10	Đánh giá thời gian chờ nhận kết quả xét nghiệm, chiếu chụp.	40,4	57,4	2,2	0

Bảng 2: Mức độ hài lòng về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị

- Tỷ lệ người bệnh/ người nhà rất hài lòng, hài lòng chung về mục sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị của khoa chiếm tỷ lệ 96,1%. Trong đó vẫn còn 56,2% người bệnh chưa hài lòng ở tiêu mục được xếp hàng theo thứ tự trước sau khi làm các thủ tục đăng ký, nộp tiền, khám bệnh, xét nghiệm, chiếu chụp.

Bảng 3. Mức độ hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ của người bệnh:

TT	Nội dung tiêu mục	Tỷ lệ người bệnh(%)			
		Rất Tốt	Tốt	Trung bình	Kém
1	Có phòng/sảnh chờ khám sạch sẽ, thoáng mát vào mùa hè; kín gió và ấm áp vào mùa đông.	48,4	49,1	2,5	0
2	Phòng chờ có đủ ghế ngồi cho người bệnh và sử dụng tốt.	43,4	54,4	2,2	0

3	Phòng chờ có quạt (điều hòa) đầy đủ, hoạt động thường xuyên.	45,4	49,1	5,5	0
4	Phòng chờ có các phương tiện giúp người bệnh có tâm lý thoải mái như ti-vi, tranh ảnh, tờ rơi, nước uống...	48,9	47,6	3,5	0
5	Được bảo đảm sự riêng tư khi khám bệnh, chiếu chụp, làm thủ thuật.	48,6	48,7	2,7	0
6	Nhà vệ sinh thuận tiện, sử dụng tốt, sạch sẽ.	43,9	52,9	3,2	0
7	Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh, sạch, đẹp.	51,4	44,9	3,7	0
8	Khu khám bệnh bảo đảm an ninh, trật tự, phòng ngừa trộm cắp cho người dân.	45,9	51,4	2,7	0

Bảng 3: Mức độ hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ của người bệnh

- Tỷ lệ người bệnh rất hài lòng, hài lòng chung về mục cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ của người bệnh của khoa khám bệnh chiếm tỷ lệ cao 96,75%.

Bảng 4. Mức độ hài lòng về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế.

ST T	Nội dung tiêu mục	Tỷ lệ người bệnh(%)			
		Rất Tốt	Tốt	Trung bình	Kém
1	Nhân viên y tế (bác sỹ, điều dưỡng) có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mục.	57,7	42,1	0,2	0
2	Nhân viên phục vụ (hộ lý, bảo vệ, kế toán...) có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mục.	53,6	46,4	0	0
3	Được nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ.	53,4	46,1	0,5	0
4	Năng lực chuyên môn của bác sỹ, điều dưỡng đáp ứng mong đợi.	56,9	52,4	0,7	0

Bảng 4: Mức độ hài lòng về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế

- Tỷ lệ người bệnh rất hài lòng, hài lòng chung về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế tại khoa khám chiếm tỷ lệ 99,65%

Bảng 5. Mức độ hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ:

STT	Nội dung tiêu mục	Tỷ lệ người bệnh(%)			
		Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
1	Kết quả khám bệnh đã đáp ứng được nguyện vọng của Ông/Bà.	49,7	49,6	0,7	0

2	Các hóa đơn, phiếu thu, đơn thuốc và kết quả khám bệnh được cung cấp đầy đủ, rõ ràng, minh bạch và được giải thích nếu có thắc mắc.	47,1	51,4	1,5	0
3	Đánh giá mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế.	54,4	44,4	1,2	0
4	Đánh giá mức độ hài lòng về giá cả dịch vụ y tế.	55,7	43,6	0,7	0

Bảng 5: Mức độ hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ

- Tỷ lệ người bệnh hài lòng chung về kết quả cung cấp dịch vụ của khoa khám bệnh – cấp cứu rất cao là 98,95%

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHẢO SÁT NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ

2.1. Đánh giá chung của người bệnh về bệnh viện

TT	Nội dung		Kết quả khảo sát
1	Tổng điểm trung bình từ A-E		4,68
2	Tỷ lệ hài lòng chung		96,38
3	Điểm trung bình theo từng phần	Phần A: Khả năng tiếp cận	4,66
		Phần B: Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị	4,69
		Phần C: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh	4,63
		Phần D: Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của NVYT	4,72
		Phần E: Kết quả cung cấp dịch vụ	4,73
4	Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi		96,03
5	Tỷ lệ người bệnh quay trở lại		99,28
6	Chỉ số hài lòng toàn diện		81,95
7	Tổng số phiếu được phân tích		277

2.2. Giới tính khảo sát:

TT	Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nam	132	47,7
2	Nữ	145	52,3
Tổng cộng		277	100

2.3. Mức độ hài lòng cho từng mục:

Bảng 1. Khả năng tiếp cận

TT	Nội dung tiêu mục	Tỷ lệ (%)			
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém
A1	Các sơ đồ, biển báo chỉ dẫn đường đến các khoa, phòng trong bệnh viện rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm.	70	27,8	2,2	0
A2	Thời gian vào thăm người bệnh được thông báo rõ ràng.	67,8	30	2,2	0
A3	Các khối nhà, cầu thang, buồng bệnh được đánh số rõ ràng, dễ tìm.	67,5	26,7	5,8	0
A4	Các lối đi trong bệnh viện, hành lang bằng phẳng, dễ đi.	66,8	27,8	5,4	0
A5	Người bệnh hỏi và gọi được nhân viên y tế khi cần thiết.	74,7	21,3	4	0

Bảng 1: Mức độ hài lòng về khả năng tiếp cận

- Tỷ lệ người bệnh hài lòng, rất hài lòng về khả năng tiếp cận chung của 2 khoa điều trị nội trú chiếm tỷ lệ 96,08%.

Bảng 2. Mức độ hài lòng về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị:

STT	Nội dung tiêu mục	Tỷ lệ người bệnh(%)			
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không sử dụng DV
1	Quy trình thủ tục nhập viện công khai, rõ ràng thuận tiện.	70	26,4	3,6	0
2	Giá dịch vụ y tế được niêm yết, thông báo công khai ở vị trí dễ quan sát, dễ đọc, dễ hiểu	66,1	31,4	2,5	0
3	Quy trình, thời gian làm thủ tục thanh toán VP khi ra viện rõ ràng, công khai, thuận tiện	67,8	30	2,2	0
4	Được phổ biến về nội quy và những thông tin	72,2	25,3	2,5	0
5	Được giải thích về tình trạng bệnh, phương pháp, thời gian dự kiến điều trị rõ ràng đầy đủ	71,1	26	2,9	0
6	Được giải thích tư vấn trước khi yêu cầu làm XN, kỹ thuật cao...	74	24,9	1,1	0
7	Được công khai và cập nhật thông tin về dùng thuốc và chi phí điều trị	74	24,5	1,5	0

Bảng 2: Mức độ hài lòng về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị

- Tỷ lệ người bệnh/ người nhà hài lòng, rất hài lòng về mục sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị chung của 2 khoa chiếm tỷ lệ 97,7%.

Bảng 3. Mức độ hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ của người bệnh:

TT	Nội dung tiểu mục	Tỷ lệ người bệnh(%)			
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không sử dụng DV
1	Buồng bệnh khang trang, sạch sẽ, có đầy đủ các thiết bị điều chỉnh nhiệt độ phù hợp như quạt, máy sưởi, hoặc điều hòa.	68,2	25,3	6,5	0
2	Buồng bệnh yên tĩnh, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự, phòng ngừa trộm cắp, yên tâm khi nằm viện.	73,3	24,2	2,5	0
3	Giường bệnh, ga, gối đầy đủ cho mỗi người một giường, chắc chắn, sử dụng tốt.	64,6	32,5	2,9	0
4	Được cung cấp quần áo đầy đủ, sạch sẽ.	68,6	29,2	2,2	0
5	Nhà vệ sinh, nhà tắm thuận tiện, sạch sẽ, sử dụng tốt.	69,7	27,1	3,2	0
6	Được cung cấp đầy đủ nước uống nóng, lạnh ngay tại khoa điều trị.	63,9	29,2	6,9	0
7	Người bệnh và người nhà người bệnh truy cập được mạng internet không dây (wifi) ngay tại buồng bệnh.	67,5	25,3	7,2	0
8	Được bảo đảm sự riêng tư khi nằm viện như thay quần áo, khám bệnh, đi vệ sinh tại giường... có rèm che, vách ngăn hoặc nằm riêng.	71,8	18,8	9,4	0
9	Căng-tin bệnh viện phục vụ ăn uống và nhu cầu sinh hoạt thiết yếu đầy đủ và chất lượng.	32,8	31,8	26,7	8,7
10	Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh, sạch, đẹp.	75,5	19,5	4,7	0,4
11	Được cung cấp phương tiện vận chuyển nội viện như xe lăn, cáng, xe điện đầy đủ, kịp thời, sử dụng tốt khi có nhu cầu.	76,5	18,4	5,1	0

Bảng 3: Mức độ hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ của người bệnh

- Tỷ lệ người bệnh hài lòng chung về mục cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ của người bệnh chung của 2 khoa chiếm tỷ lệ tương đối cao 94,6%;

Bảng 4. Mức độ hài lòng về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của NVYT

ST T	Nội dung tiêu mục	Tỷ lệ người bệnh(%)			
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém
1	Bác sĩ, ĐD có thái độ, lời nói giao tiếp đúng mục	71,5	26,4	2,2	0
2	Nhân viên phục vụ có thái độ, lời nói giao tiếp đúng mục	72,2	24,5	3,2	0
3	Được NVYT tôn trọng, đối xử công bằng, giúp đỡ	74,4	23,5	2,2	0
4	BS,ĐD hợp tác tốt, xử lý công việc thành thạo, kịp thời	74,4	23,8	1,8	0
5	Được bác sĩ thăm khám động viên tại phòng điều trị	73,6	23,5	2,5	0,4
6	Được tư vấn chế độ ăn, vận động theo dõi và phòng ngừa biến chứng	76,2	21,7	2,2	0
7	NVYT không có biểu hiện gợi ý bồi dưỡng	74,8	21,3	3,9	0

Bảng 4: Mức độ hài lòng về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế

- Tỷ lệ người bệnh hài lòng chung về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế chung tại 2 khoa điều trị đạt tỷ lệ: 97,7%.

Bảng 5. Mức độ hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ:

ST T	Nội dung tiêu mục	Tỷ lệ người bệnh(%)			
		Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
1	Thời gian chờ đợi khi khám, chữa bệnh tại bệnh viện.	71,1	25,6	3,2	0
2	Được cấp phát cho dùng thuốc đúng giờ, hướng dẫn sử dụng thuốc đầy đủ và các tác dụng phụ nếu có.	72,9	23,8	3,2	0
3	Được nhắc lịch tái khám và hướng dẫn thực hành ăn uống, luyện tập, chăm sóc tại nhà trước khi ra viện.	72,2	24,5	3,2	0
4	Trang thiết bị, vật tư y tế đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh.	76,5	20,6	2,9	0
5	Kết quả điều trị đáp ứng được nguyện vọng.	81,2	16,3	2,5	0
6	Ông/Bà đánh giá mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế.	78,7	19,5	1,8	0

Bảng 5: Mức độ hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ

- Tỷ lệ người bệnh hài lòng chung về kết quả cung cấp dịch vụ của 2 khoa đạt 97,2%.

III. Một số đề nghị đối với các khoa

- Tiếp tục duy trì sự hài lòng người bệnh ở những tiêu mục đạt tỷ lệ hài lòng cao, tiếp tục duy trì và nâng cao sự hài lòng người bệnh khi đến khám chữa bệnh tại bệnh viện.

- Tổ công tác xã hội phối hợp với nhân viên các khoa điều trị nội trú, khoa khám bệnh tăng cường tư vấn hướng dẫn người bệnh/người nhà các quy trình thủ tục hành chính, chế độ chính sách, chế độ bảo hiểm y tế... hỗ trợ người bệnh, người nhà khi khám chữa bệnh tại bệnh viện.

- Điều dưỡng trưởng các khoa tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe lồng ghép trong các buổi họp hội đồng người bệnh hàng tuần; tăng cường công tác đi buồng kiểm tra giám sát qua đó nắm bắt ý kiến và giải thích những thắc mắc của người bệnh, người nhà người bệnh kịp thời để tham mưu lãnh đạo bệnh viện nâng cao chất lượng phục vụ tại bệnh viện.

- Toàn thể nhân viên tăng cường nâng cao kỹ năng giao tiếp, thái độ phục vụ người bệnh ngày càng đáp ứng hơn nữa sự hài lòng người bệnh/ người nhà nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng khám chữa bệnh tại bệnh viện.

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá sự hài lòng người bệnh điều trị nội trú, ngoại trú tại bệnh viện năm 2025. Bệnh viện Mắt kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lãnh đạo BV;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, P.ĐD-QLCL-CNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đào Lâm Hoàng